

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1714A/QĐ-ĐHLDXH ngày 03 tháng 8 năm 2018
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động – Xã hội)*

Tên ngành đào tạo : Công tác xã hội

Mã ngành : 8760101

Hình thức đào tạo : Chính quy

Trình độ đào tạo : Thạc sĩ

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo thạc sĩ về Công tác xã hội được xây dựng theo định hướng nghiên cứu, chương trình trang bị cho học viên những kiến thức chuyên sâu về lý luận và thực tiễn của công tác xã hội. Chương trình với hệ thống kiến thức chuyên sâu về lý luận và thực tiễn trong công tác xã hội giúp người học có được phương pháp can thiệp hiệu quả với các nhóm đối tượng trong những bối cảnh khác nhau, có khả năng làm việc độc lập, tư duy sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề trong lĩnh vực công tác xã hội, có khả năng điều phối, quản lý, giám sát việc cung cấp các dịch vụ xã hội một cách hiệu quả; tham gia và thực hiện các nghiên cứu độc lập, phân tích và tư vấn chính sách xã hội cũng như đào tạo về công tác xã hội.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về kiến thức

KT1: Hiểu rõ, phân tích sâu và vận dụng được những tri thức về triết học, các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước liên quan đến lĩnh vực Công tác xã hội nói chung, đặc biệt về chính sách xã hội và an sinh xã hội với các nhóm thân chủ

KT2: Hiểu và vận dụng thành thạo các kiến thức chuyên sâu và nâng cao về phương pháp nghiên cứu công tác xã hội và phân tích và hoạch định chính sách xã hội, các kiến thức về công tác xã hội quốc tế để làm cơ sở để phân tích và ứng dụng vào triển khai trong các hoạt động nghiên cứu và hoạch định chính sách xã hội cho các nhóm thân chủ

KT3: Tổng hợp được các kiến thức chuyên sâu, phát triển các kiến thức mới về Công tác xã hội nhằm bổ sung vào hệ thống lý thuyết, phương pháp và ứng dụng hiệu quả trong thực hành Công tác xã hội và quản trị Công tác xã hội

KT4: Hiểu và vận dụng thành thạo các kiến thức nâng cao trong việc hỗ trợ giải quyết những vấn đề liên quan đến công tác xã hội như trị liệu tâm lý, hành vi con người và môi trường xã hội, giới và phát triển bền vững.

KT5: Hiểu và vận dụng thành thạo các kiến thức công tác xã hội chuyên sâu trong việc giải quyết vấn đề hoặc đáp ứng nhu cầu với từng nhóm đối tượng xã hội cụ thể như công tác xã hội và chính sách xã hội với gia đình, công tác xã hội trong phòng chống bạo lực gia đình, công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe tâm thần, công tác xã hội trong bảo vệ trẻ em khỏi xâm hại, bóc lột và sao nhãng, tham vấn điều trị nghiện ma túy...

1.2.2. Về kỹ năng

KN1: Phân tích, tổng hợp và đánh giá một cách toàn diện, chuyên sâu khi làm việc với các nhóm thân chủ khác nhau trong các cơ sở bảo trợ xã hội và tại cộng đồng, có kỹ năng đánh giá tác động của từng chính sách đến các nhóm thân chủ, điều phối, giám sát cung cấp dịch vụ xã hội và có khả năng nghiên cứu độc lập, phân tích tư vấn các chính sách xã hội.

KN2: Hiểu, viết các thuật ngữ quốc tế về lĩnh vực Công tác xã hội. Sử dụng được ngoại ngữ để miêu tả được các mô hình công tác xã hội hiện hành trên thế giới vận dụng trong phân tích ở Việt Nam.

KN3: Thành thạo kỹ năng thực hành chuyên sâu Công tác xã hội cá nhân, nhóm, phát triển kỹ năng xây dựng dự án phát triển cộng đồng, để trợ giúp các nhóm đối tượng đặc thù trong bệnh viện, trường học, cộng đồng và cơ sở bảo trợ xã hội và các trung tâm chăm sóc và nuôi dưỡng đối tượng. Đồng thời có kỹ năng phát hiện, giải quyết độc lập những vấn đề liên quan đến công tác xã hội trong thực tiễn, có kỹ năng lồng ghép giới.

KN4: Có kỹ năng lãnh đạo, quản lý, tổ chức và quản trị Công tác xã hội trong các môi trường đa dạng, phức tạp, cung cấp dịch vụ công tác xã hội

KN5: Hiểu và vận dụng được các kỹ năng trong trị liệu tâm lý, nghiên cứu hành vi, đánh giá hành vi của các nhóm thân chủ.

1.2.3. Về trình độ ngoại ngữ

Học viên tốt nghiệp chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành CTXH đạt trình độ ngoại ngữ do Hiệu trưởng quy định theo đề nghị của hội đồng khoa học đào tạo nhưng tối thiểu phải từ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

1.2.4. Về Thái độ

TĐ1: Người học có thái độ tôn trọng pháp luật và chính sách của Đảng và Nhà nước; có thái độ cầu thị trong việc học tập, nâng cao trình độ về phương pháp luận và tư

duy khoa học sáng tạo; nghiêm túc, trách nhiệm trong công việc.

TD2: Luôn có thái độ hoà nhã và sẵn sàng giúp đỡ đối tượng và đồng nghiệp trong công việc. Nâng cao trách nhiệm và thái độ đạo đức nghề nghiệp công tác xã hội.

1.2.5. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

- Có đủ năng lực làm cán bộ quản lý, triển khai các chương trình, dự án tại các cơ quan thuộc của ngành Lao động – Thương binh và Xã hội cũng như trong các ban, ngành đoàn thể khác như Công đoàn, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn thanh niên...

- Có đủ năng lực làm việc tốt ở các vị trí điều phối, quản lý các chương trình, dự án xã hội trong các tổ chức quốc tế trong và ngoài nước có chức năng nhiệm vụ liên quan tới phát triển xã hội, công tác xã hội, an sinh xã hội.

- Có đủ năng lực làm việc tốt trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ trực tiếp và điều phối quản lý việc cung cấp các dịch vụ xã hội đó tại các cơ sở cung cấp dịch vụ khác như trong bệnh viện, trường học, tòa án...

- Có đủ năng lực để phối hợp và triển khai các nghiên cứu độc lập trong cơ quan, viện nghiên cứu về các lĩnh vực liên quan đến công tác xã hội, chính sách xã hội, an sinh xã hội, dịch vụ xã hội.

2. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 2 năm

2.2. Các khối kiến thức chương trình giảng dạy

2.2.1. Kiến thức chung: 4 tín chỉ

Khối kiến thức này nhằm cung cấp cho người học:

- Những kiến thức cơ bản thuộc về thế giới quan và phương pháp luận chung về xã hội và con người.

2.2.2. Kiến thức cơ sở và chuyên ngành: 44 tín chỉ

Khối kiến thức cơ sở nhằm cung cấp cho người học:

- Kiến thức tiếng Anh chuyên ngành CTXH như: vai trò của công tác xã hội quốc tế, công tác xã hội thực hành, truyền thông trong công tác xã hội, phong trào giải phóng phụ nữ, bình đẳng giới, buôn bán trẻ em và phụ nữ, bạo lực gia đình, trẻ em đường phố...

- Kiến thức về phân tích và hoạch định chính sách như cơ sở của hoạch định chính sách, quy trình hoạch định chính sách, yêu cầu của phân tích chính sách, các điều kiện để tiến hành phân tích chính sách và các giai đoạn phân tích chính sách.

- Kiến thức về trị liệu tâm lý, tâm lý học lao động như vai trò ứng dụng của tâm lý học đối với quản trị nhân sự, yếu tố cá nhân người lao động và hiệu quả lao động; công tác nhóm và quản lý nhóm trong tập thể lao động để có hiệu quả trong lao động của tâm lý học và một số kỹ năng xử lý tình huống trong lao động

- Kiến thức lý luận cơ bản trong tiếp cận nghiên cứu các vấn đề của giới và phát triển và bền vững, vận dụng các phương pháp khoa học trong việc lồng ghép giới đối với

các chương trình, chính sách và dự án.

- Kiến thức về phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng: hệ thống về khuyết tật và người khuyết tật, phân loại khuyết tật, mô hình khuyết tật, kiến thức về Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng và năm lĩnh vực cơ bản trong phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng cho người khuyết tật

Khối kiến thức chuyên ngành nhằm cung cấp cho người học:

- Kiến thức về phương pháp nghiên cứu trong CTXH

- Kiến thức về Công tác xã hội quốc tế như Lịch sử phát triển, công tác xã hội và toàn cầu hóa, những vấn đề hiện nay của công tác xã hội trên thế giới và xu hướng phát triển của công tác xã hội trong tương lai.

- Kiến thức về Công tác xã hội cá nhân nâng cao như các triết lý, giá trị, nguyên tắc làm việc, quy trình và những kỹ năng chuyên sâu cần thiết cho nhân viên Công tác xã hội khi làm việc với các cá nhân có vấn đề.

- Kiến thức về Quản trị trong phát triển tổ chức cung cấp dịch vụ xã hội như kiến thức, kỹ năng trong việc quản lý, điều hành, tổ chức để phát triển cơ quan, đơn vị nhằm đạt được các mục tiêu của cơ quan là cung cấp các dịch vụ tốt nhất cho xã hội.

- Kiến thức về Xây dựng và quản lý dự án PTCD phương pháp, quy trình xây dựng và quản lý dự án phát triển cộng đồng dựa trên nền kiến thức cơ bản về phát triển cộng đồng như một phương pháp của công tác xã hội và dựa trên tổng quan về xây dựng và quản lý dự án nói chung.

- Kiến thức về Kiểm huấn trong Công tác xã hội như khái niệm về Kiểm huấn cũng như vai trò của Kiểm huấn trong lĩnh vực Công tác xã hội và các hình thức kiểm huấn khác nhau.

- Kiến thức về Thực hành công tác xã hội chuyên sâu trong một lĩnh vực hoặc một kỹ năng cụ thể của thực hành CTXH.

- Kiến thức về CTXH trong phòng chống bạo lực gia đình: kiến thức cơ bản về lý luận về Công tác xã hội trong cứu trợ nạn nhân bạo lực gia đình, các kiến thức cơ bản của vấn đề bạo lực gia đình, vai trò và vị trí của công tác xã hội trong phát triển xã hội công dân, trong phòng chống các tệ nạn xã hội.

- Kiến thức về Hành vi con người và môi trường xã hội nâng cao: phân tích, giải thích các mối quan hệ giữa HVCN và MTXH trong các điều kiện của hoàn cảnh xã hội (gia đình, nhóm, cộng đồng, xã hội)

- Kiến thức về CTXH trong Chăm sóc sức khỏe tâm thần: một số loại bệnh tâm thần, dấu hiệu và một số can thiệp cần thiết của nhân viên xã hội, các chính sách, chương trình dịch vụ trong lĩnh vực CSSKTT trên thế giới và Việt Nam.

- Kiến thức về CTXH trong bảo vệ trẻ em khỏi xâm hại, bóc lột và sao nhãng như quy trình can thiệp và các kỹ năng chuyên biệt của nhân viên xã hội trong việc hỗ trợ

nhóm trẻ em này.

- Kiến thức về Tham vấn điều trị nghiện ma túy như vào quy trình, kỹ năng tham vấn cho người nghiện.

2.2.3. Luận văn thạc sĩ: 12 tín chỉ

Khối kiến thức này giúp người học khả năng phân tích, tổng hợp và vận dụng các kiến thức cơ sở và chuyên ngành vào thực tế công việc với các lĩnh vực và đối tượng đặc thù của CTXH.

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC

Khối lượng kiến thức toàn khóa là 60 tín chỉ.

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Thực hiện theo Đề án tuyển sinh hàng năm của Trường Đại học Lao động - Xã hội.

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

5.1. Quy trình đào tạo

Thực hiện theo Quyết định số 1854/QĐ-ĐHLĐXH ngày 10/10/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động – Xã hội về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ.

5.2. Điều kiện tốt nghiệp

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/05/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ Thạc sĩ và Quyết định số 1854/QĐ-ĐHLĐXH ngày 10/10/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động – Xã hội về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ, người học được công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ ngành CTXH khi có đủ các điều kiện sau:

a) Có đủ điều kiện bảo vệ luận văn

- Học viên hoàn thành chương trình đào tạo, có điểm trung bình chung các học phần trong chương trình đào tạo đạt từ 5,5 trở lên (theo thang điểm 10) hoặc điểm C trở lên (theo thang điểm chữ);

- Đạt trình độ ngoại ngữ do Hiệu trưởng quy định theo đề nghị của hội đồng khoa học đào tạo nhưng tối thiểu phải từ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương;

- Có đơn xin bảo vệ và cam đoan danh dự về kết quả nghiên cứu trung thực, đồng thời phải có ý kiến xác nhận của người hướng dẫn là luận văn đạt các yêu cầu theo quy định tại Khoản 2, Điều 26 Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường;

- Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật đình chỉ học tập;

- Không bị tố cáo theo quy định của pháp luật về nội dung khoa học trong luận văn.

b) Điểm luận văn đạt từ 5,5 trở lên;

c) Đã nộp luận văn được hội đồng đánh giá đạt yêu cầu trở lên, có xác nhận của người hướng dẫn và chủ tịch hội đồng về việc luận văn đã được chỉnh sửa theo kết luận của hội đồng, đóng kèm bản sao kết luận của hội đồng đánh giá luận văn và nhận xét của các phản biện cho Trường để sử dụng làm tài liệu tham khảo tại thư viện và lưu trữ theo quy định tại Điểm c, Khoản 2, Điều 33 Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Lao động - Xã hội;

d) Đã công bố công khai toàn văn luận văn trên website của Trường theo quy định tại Khoản 9, Điều 34 Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Lao động - Xã hội;

6. THANG ĐIỂM

Điểm học phần

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

- Loại đạt:

A (8,5 – 9,1), A ⁺ (9,2 - 10)	Giỏi
B (7,0 – 7,6), B ⁺ (7,7 - 8,4)	Khá
C (5,5 - 6,1), C ⁺ (6,2 – 6,9)	Trung bình
D (4,0 - 4,6), D ⁺ (4,7 – 5,4)	Trung bình yếu

- Loại không đạt:

F (dưới 2,0); F ⁺ (2,0-3,9)	Kém
--	-----

Điểm trung bình

- Mức điểm chữ của mỗi học phần được quy đổi qua điểm số (thang điểm 4) như sau:

A+: 4,0 A : 3,7

B+: 3,5 B : 3,0

C+: 2,5 C : 2,0

D+: 1,5 D : 1,0

F+: 0,5 F : 0,0

- Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \cdot x \cdot n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

A: là điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy

a_i: là điểm học phần thứ i

n_i : là số tín chỉ của học phần thứ i

n : là tổng số học phần

7. CẤU TRÚC KIẾN THỨC CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

STT	Nội dung	Khối lượng (tín chỉ)
1	Kiến thức chung	4
	Triết học	4
2	Kiến thức cơ sở và chuyên ngành	44
	<i>Kiến thức cơ sở</i>	13
	<i>Kiến thức bắt buộc</i>	7
	Tiếng Anh chuyên ngành	4
	Phân tích và hoạch định chính sách xã hội	3
	<i>Kiến thức tự chọn (Chọn 2 trong 4 môn)</i>	6
	Tâm lý học lao động	3
	Trị liệu tâm lý	3
	Giới và phát triển bền vững	3
	Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng	3
	<i>Kiến thức chuyên ngành</i>	31
	<i>Kiến thức bắt buộc</i>	19
	Phương pháp nghiên cứu công tác xã hội nâng cao	3
	Công tác xã hội quốc tế	2
	Công tác xã hội cá nhân nâng cao	2
	Công tác xã hội nhóm nâng cao	2
	Quản trị trong phát triển tổ chức cung cấp dịch vụ xã hội	2
	Xây dựng và quản lý dự án PTCĐ	2
	Kiểm huấn trong Công tác xã hội	2
	Thực hành công tác xã hội chuyên sâu	4
	<i>Kiến thức tự chọn (Chọn 4 trong 9 môn)</i>	12
	CTXH và chính sách xã hội với gia đình	3
	Đánh giá lâm sàng trong CTXH	3
	CTXH với thanh thiếu niên	3
	CTXH trong phòng chống bạo lực gia đình	3
	Hành vi con người và môi trường xã hội nâng cao	3
	CTXH trong Chăm sóc sức khỏe tâm thần	3

	Can thiệp hỗ trợ người khuyết tật	3
	CTXH trong bảo vệ trẻ em khỏi xâm hại, bóc lột và sao nhãng	3
	Tham vấn điều trị nghiện ma túy	3
3	Phần 3. Luận văn thạc sĩ	12
	Tổng số	60

Danh sách các học phần trong chương trình đào tạo

TT	Tên học phần	Ghi chú
1	Triết học	
2	Tiếng Anh chuyên ngành	
3	Phương pháp nghiên cứu CTXH nâng cao	
4	Phân tích và hoạch định chính sách xã hội	
5	Công tác xã hội quốc tế	
6	Công tác xã hội cá nhân nâng cao	
7	Công tác xã hội nhóm nâng cao	
8	Quản trị trong phát triển tổ chức cung cấp dịch vụ xã hội	
9	Xây dựng và quản lý dự án phát triển cộng đồng	
10	Kiểm huấn CTXH	
11	Thực hành CTXH chuyên sâu	
12	CTXH và chính sách XH với gia đình	
13	Tâm lý học lao động	
14	Trị liệu tâm lý	
15	Đánh giá lâm sàng trong CTXH	
16	CTXH với thanh thiếu niên	
17	CTXH trong phòng chống bạo lực gia đình	
18	Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng	
19	Hành vi con người và môi trường xã hội nâng cao	
20	CTXH trong chăm sóc SK tâm thần	
21	Can thiệp hỗ trợ người khuyết tật	
22	CTXH trong bảo vệ trẻ em khỏi xâm hại, bóc lột và sao nhãng	
23	Tham vấn điều trị cai nghiện ma túy	
24	Giới và phát triển bền vững	

8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

STT	Nội dung	Khối lượng (tín chỉ)	Năm thứ I	Năm thứ II
-----	----------	----------------------	-----------	------------

1	Kiến thức chung	4	I	II	III	IV
		Triết học		x		
2	Kiến thức cơ sở và chuyên ngành	44				
	<i>Kiến thức cơ sở</i>	<i>13</i>				
	<i>Kiến thức bắt buộc</i>	7				
	Tiếng Anh chuyên ngành	4	X			
	Phân tích và hoạch định chính sách xã hội	3	x			
	<i>Kiến thức tự chọn (Chọn 2 trong 4 môn)</i>	6				
	Tâm lý học lao động	3			x	
	Trị liệu tâm lý	3			x	
	Giới và phát triển bền vững	3			x	
	Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng	3			x	
	Kiến thức chuyên ngành	31				
	<i>Kiến thức bắt buộc</i>	<i>19</i>				
	Phương pháp nghiên cứu công tác xã hội nâng cao	3	x			
	Công tác xã hội quốc tế	2	X			
	Công tác xã hội cá nhân nâng cao	2	x			
	Công tác xã hội nhóm nâng cao	2	X			
	Quản trị trong phát triển tổ chức cung cấp dịch vụ xã hội	2			X	
	Xây dựng và quản lý dự án PTCĐ	2			x	
	Kiểm huấn trong Công tác xã hội	2			x	
	Thực hành công tác xã hội chuyên sâu	4			x	
	<i>Kiến thức tự chọn (Chọn 4 trong 9 môn)</i>	<i>12</i>				
	CTXH và chính sách xã hội với gia đình	3			x	
	Đánh giá lâm sàng trong CTXH	3			x	

	CTXH với thanh thiếu niên	3		x		
	CTXH trong phòng chống bạo lực gia đình	3		X		
	Hành vi con người và môi trường xã hội nâng cao	3		X		
	CTXH trong Chăm sóc sức khỏe tâm thần	3			X	
	Can thiệp hỗ trợ người khuyết tật	3			X	
	CTXH trong bảo vệ trẻ em khỏi xâm hại, bóc lột và sao nhãng	3			x	
	Tham vấn điều trị nghiện ma túy	3			X	
3	Phần 3. Luận văn thạc sĩ	12				x
	Tổng số	60				

Học kỳ 1:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng (tín chỉ)	Điều kiện	Ghi chú
1		Kiến thức chung	4		
	CHTH 501	Triết học	4		
2		Kiến thức cơ sở và chuyên ngành	16		
		<i>Kiến thức cơ sở</i>	7		
		<i>Kiến thức bắt buộc</i>	7		
	CTNN502	Tiếng Anh chuyên ngành	4		
	CTPH504	Phân tích và hoạch định chính sách xã hội	3		
		<i>Kiến thức chuyên ngành</i>	9		
		<i>Kiến thức bắt buộc</i>	9		
	CTNC503	Phương pháp nghiên cứu công tác xã hội nâng cao	3		
	CTBT505	Công tác xã hội quốc tế	2		
	CTXC506	Công tác xã hội cá nhân nâng cao	2		
	CTXN507	Công tác xã hội nhóm nâng cao	2		

		TỔNG SỐ	20		
--	--	---------	----	--	--

Học kỳ 2

TT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng (tín chỉ)	Điều kiện	Ghi chú
1		Kiến thức cơ sở và chuyên ngành	22		
		<i>Kiến thức cơ sở</i>			
		<i>Kiến thức chuyên ngành</i>	22		
		<i>Kiến thức bắt buộc</i>	10		
	CTQT508	Quản trị trong phát triển tổ chức cung cấp dịch vụ xã hội	2		
	CTXQ509	Xây dựng và quản lý dự án PTCĐ	2		
	CTKH510	Kiểm huấn trong Công tác xã hội	2		
	CTTH511	Thực hành công tác xã hội chuyên sâu	4		
		<i>Kiến thức tự chọn (Chọn 4 trong 9 môn)</i>	12		
	CTCS512	CTXH và chính sách xã hội với gia đình	3		
	CTLS515	Đánh giá lâm sàng trong CTXH	3		
	CTTN516	CTXH với thanh thiếu niên	3		
	CTPC517	CTXH trong phòng chống bạo lực gia đình	3		
	CTTX519	Hành vi con người và môi trường xã hội nâng cao	3		

Học kỳ 3

TT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng (tín chỉ)	Điều kiện	Ghi chú
1		Kiến thức cơ sở và chuyên ngành	18		
		<i>Kiến thức cơ sở</i>	6		
		<i>Kiến thức tự chọn (Chọn 2 trong 4 môn)</i>	6		
	CTTL513	Tâm lý học lao động	3		
	CTTT514	Trị liệu tâm lý	3		
	CTGP524	Giới và phát triển bền vững	3		

	CTPH518	Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng	3		
		Kiến thức chuyên ngành	12		
		<i>Kiến thức tự chọn (Chọn 4 trong 9 môn)</i>	<i>12</i>		
	CTCT520	CTXH trong Chăm sóc sức khỏe tâm thần	3		
	CTCH521	Can thiệp hỗ trợ người khuyết tật	3		
	CTTE522	CTXH trong bảo vệ trẻ em khỏi xâm hại, bóc lột và sao nhãng	3		
	CTTV523	Tham vấn điều trị nghiện ma túy	3		
		TỔNG SỐ	18		

Học kỳ 4

TT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng (tín chỉ)	Điều kiện	Ghi chú
		Phần 3. Luận văn thạc sĩ	12		
		TỔNG SỐ	12		

9. MÔ TẢ VẮN TẮT NỘI DUNG VÀ KHỐI LƯỢNG CÁC HỌC PHẦN

9.1. Triết học

Số tín chỉ: 04 tín chỉ

Nội dung tóm tắt học phần: Chương trình môn Triết học có 8 chương, trong đó gồm: chương mở đầu (*chương 1*: Khái luận về triết học) nhằm giới thiệu tổng quan về triết học và lịch sử triết học; 3 chương bao quát các nội dung cơ bản thuộc về thế giới quan và phương pháp luận chung của nhận thức và thực tiễn (*chương 2*: Bản thể luận, *chương 3*: Phép biện chứng, *chương 4*: Nhận thức luận); 4 chương bao quát các nội dung lý luận triết học về xã hội và con người (*chương 5*: Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, *chương 6*: Triết học chính trị, *chương 7*: Ý thức xã hội, *chương 8*: Triết học về con người).

9.2. Tiếng Anh chuyên ngành

Số tín chỉ: 04 tín chỉ

Nội dung tóm tắt học phần: Học phần này cung cấp cho học viên một số những thuật ngữ chuyên ngành bằng tiếng Anh trong lĩnh vực Công tác xã hội. Học phần này nhằm cung cấp cho học viên một số các cụm từ, thuật ngữ của các chuyên đề chuyên sâu của ngành công tác xã hội như: vai trò của công tác xã hội quốc tế, công tác xã hội thực

hành, truyền thông trong công tác xã hội, phong trào giải phóng phụ nữ, bình đẳng giới, buôn bán trẻ em và phụ nữ, bạo lực gia đình, trẻ em đường phố... Ngoài ra học phần này cũng cung cấp thêm một số hiện tượng ngữ pháp về cấu trúc câu phức, các loại mệnh đề phức vụ nâng cao kỹ năng đọc và kỹ năng viết cho học viên.

9.3. Phương pháp nghiên cứu công tác xã hội nâng cao

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Nội dung tóm tắt học phần: Học phần này nhằm trang bị những kiến thức cơ bản về hệ thống phương pháp nghiên cứu trong CTXH, các bước tiến hành nghiên cứu trong CTXH, cách thức phát hiện, nắm bắt và lựa chọn vấn đề nghiên cứu; cách thiết kế các loại hình nghiên cứu trong CTXH, kỹ năng viết báo cáo nghiên cứu cho phù hợp với từng trường hợp nghiên cứu cụ thể.

9.4. Phân tích và hoạch định chính sách xã hội

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Nội dung tóm tắt học phần: Học phần này phân tích về quá trình hoạch định chính sách và những nhiệm vụ chủ yếu của hoạt động phân tích chính sách. Học phần đề cập đến các nội dung như cơ sở của hoạch định chính sách, quy trình hoạch định chính sách, yêu cầu của phân tích chính sách, các điều kiện để tiến hành phân tích chính sách và các giai đoạn phân tích chính sách. Việc hoạch định và phân tích chính sách sẽ được thực hành trên một số chính sách xã hội cụ thể ở Việt Nam.

9.5. Công tác xã hội quốc tế

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Nội dung tóm tắt học phần: Môn học giúp học viên nắm được kiến thức tổng quan nghề công tác xã hội (CTXH) trên thế giới: Lịch sử phát triển, công tác xã hội và toàn cầu hóa, những vấn đề hiện nay của công tác xã hội trên thế giới và xu hướng phát triển của công tác xã hội trong tương lai. Môn học cũng cập nhật kiến thức về hệ thống chính sách, chương trình phát triển nghề công tác xã hội ở Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa.

9.6. Công tác xã hội cá nhân nâng cao

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Nội dung tóm tắt học phần: Học phần này tập trung vào một số kiến thức chuyên sâu của Công tác xã hội cá nhân như các triết lý, giá trị, nguyên tắc làm việc, quy trình và những kỹ năng chuyên sâu cần thiết cho nhân viên Công tác xã hội khi làm việc với các cá nhân có vấn đề. Học phần cũng sẽ cung cấp những kiến thức chuyên sâu với các vấn đề đặc thù trong lĩnh vực Công tác xã hội cá nhân.

9.7. CTXH nhóm nâng cao

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Nội dung tóm tắt học phần: Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về lịch sử hình thành và phát triển CTXH nhóm trên thế giới và Việt Nam. Ngoài ra, môn học giới thiệu về thực trạng thực hành CTXH nhóm hiện nay trong đó có các mô hình CTXH nhóm hiện đang được sử dụng rộng rãi trên thế giới và Việt Nam, các hạn chế và những khó khăn trong thực hành CTXH nhóm. Môn học tập trung vào việc cung cấp kiến thức kỹ năng làm việc với một số nhóm đối tượng đặc thù trong trường học, bệnh viện, trung tâm và các trung tâm bảo trợ xã hội.

9.8. Quản trị trong phát triển tổ chức cung cấp dịch vụ xã hội

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Nội dung tóm tắt học phần: Học phần nhằm cung cấp kiến thức, kỹ năng trong việc quản lý, điều hành, tổ chức để phát triển cơ quan, đơn vị nhằm đạt được các mục tiêu của cơ quan là cung cấp các dịch vụ tốt nhất cho xã hội. Những kỹ năng cốt lõi của quản trị như việc hoạch định chiến lược phát triển cơ quan nhằm triển khai thực hiện các chính sách xã hội thành dịch vụ xã hội liên quan đến tiến trình trong việc phát triển cơ quan phù hợp với tình hình chính trị, xã hội và kinh tế để đạt được việc phân phối các nguồn lực trong xã hội, đáp ứng các yêu cầu về an sinh xã hội. Môn học nhấn mạnh đến tinh thần làm việc hợp tác theo nhóm, thông qua hoạt động thực tiễn, nghiên cứu để đề xuất các chính sách xã hội cần thiết và phù hợp cho xã hội.

9.9 Xây dựng và quản lý dự án phát triển cộng đồng

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Nội dung tóm tắt học phần: Học phần này giới thiệu phương pháp, quy trình xây dựng và quản lý dự án phát triển cộng đồng dựa trên nền kiến thức cơ bản về phát triển cộng đồng như một phương pháp của công tác xã hội và dựa trên tổng quan về xây dựng và quản lý dự án nói chung. Ngoài ra, môn học cũng giới thiệu một số công cụ và phương pháp quan trọng hỗ trợ cho quá trình xây dựng và quản lý dự án phát triển cộng đồng, trong đó đáng chú ý là phương pháp tiếp cận khung logic cũng như phương pháp xây dựng khung logic- một công cụ quan trọng cho quá trình tư duy cũng như quá trình xây dựng, quản lý, đặc biệt là quá trình giám sát, đánh giá và kiểm toán dự án.

9.10. Kiểm huấn trong Công tác xã hội

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Nội dung tóm tắt học phần: Học phần này cung cấp những kiến thức nền tảng và chuyên sâu về nội dung Kiểm huấn trong Công tác xã hội. Học viên sẽ nắm chắc được các khái niệm về Kiểm huấn cũng như vai trò của của Kiểm huấn trong lĩnh vực Công tác xã hội và các hình thức kiểm huấn khác nhau. Ngoài ra để giúp học viên có được cái nhìn chuyên sâu và có thể áp dụng được các nội dung trong lĩnh vực kiểm huấn thì học phần cũng cung cấp các kiến thức về tiến trình kiểm huấn có hiệu quả trong lĩnh vực Công tác xã hội cũng như kiểm huấn trong các lĩnh vực vụ thể.

9.11. Thực hành CTXH chuyên sâu

Số tín chỉ: 04 tín chỉ

Nội dung tóm tắt học phần: Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức thực hành chuyên sâu trong một lĩnh vực hoặc một kỹ năng cụ thể của thực hành CTXH. Sau khi kết thúc kỳ thực hành, sinh viên có thể làm việc chuyên sâu một trong những lĩnh vực của thực hành CTXH, cụ thể:

- 1) Thực hành CTXH với một nhóm đối tượng đặc thù
- 2) Đánh giá và xây dựng dự án phát triển địa phương
- 3) Nghiên cứu
- 4) Quản trị CTXH
- 5) Đào tạo CTXH

9.12. Công tác xã hội và chính sách xã hội với gia đình

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Nội dung tóm tắt học phần: CTXH, chính sách xã hội với gia đình là một bộ phận trong ngành CTXH chuyên nghiệp. Nó được hình thành trong bối cảnh mạng lưới phát triển của hệ thống an sinh xã hội và an sinh gia đình nói riêng.

Gia đình là đơn vị xã hội cơ bản. Chức năng của gia đình là để khuyến khích, bảo vệ và làm cho mọi thành viên thích nghi với xã hội. Các Nhân viên CTXH cung cấp các dịch vụ trực tiếp cho gia đình. Các dịch vụ được cung cấp: trường học, bệnh viện, trạm y tế sức khỏe tâm thần, các cơ quan an sinh, bệnh viện điều dưỡng, nhà an toàn và những nơi nương tựa... Các Nhân viên CTXH được trang bị đầy đủ, hệ thống về kỹ năng và giá trị đạo đức hành nghề, tác động vào các thành viên trong gia đình để tăng cường chức năng tối ưu của tất cả các gia đình, chuyển dịch vụ hợp lý tới họ, dựa trên sự tôn trọng tính cách, sắc tộc, giai cấp, giới, tôn giáo và định hướng giới tính của từng thành viên trong gia đình.

Như vậy, môn học cung cấp các lý thuyết và kỹ năng trị liệu gia đình, đặc biệt cho sinh viên, để họ hiểu và trải qua sự phức tạp của công việc với gia đình khi tham gia, đánh giá và can thiệp để vượt qua những rào cản và đưa đến cho các hộ gia đình những chính sách xã hội tối ưu nhất.

9.13. Tâm lý học lao động

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Nội dung tóm tắt học phần: Học phần bao gồm những nội dung cơ bản như vai trò ứng dụng của tâm lý học đối với quản trị nhân sự, yếu tố cá nhân người lao động và hiệu quả lao động; công tác nhóm và quản lý nhóm trong tập thể lao động để có hiệu quả trong lao động của tâm lý học và một số kỹ năng xử lý tình huống trong lao động.

9.14. Trị liệu tâm lý

. Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Nội dung tóm tắt học phần: Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức chung về Tâm lý trị liệu (TLTL) như đối tượng, nhiệm vụ, tầm quan trọng của TLTL, các nguyên tắc đạo đức của TLTL, đồng thời học phần cũng cung cấp cho người học các biểu hiện bệnh lý và các công cụ đánh giá bệnh lý và một số lý thuyết tiếp cận trong TLTL, trên cơ sở đó người học có thể vận dụng các kiến thức đã học vào hoạt động TLTL cho thân chủ.

9.15. Đánh giá lâm sàng trong CTXH

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Nội dung tóm tắt học phần: Môn học cung cấp cho học viên những kiến thức căn bản về các phương pháp đánh giá và chẩn đoán lâm sàng dựa trên quan điểm lịch sử và phát triển, về các hệ thống phân loại phổ biến và các lý thuyết chính yếu liên quan tới căn nguyên và bản chất của các rối loạn tinh thần, về các tiếp cận trị liệu đối với các rối loạn này.

Môn học này sẽ đề cập tới một số rối loạn chủ yếu mà các Nhân viên xã hội có thể sẽ gặp phải trong quá trình làm việc. Đồng thời, môn học nhấn mạnh sự tác động của nền văn hóa, của các tầng lớp và các giá trị xã hội lên cá nhân, gia đình, nhóm, cộng đồng và các thể chế xã hội.

Cuối cùng, môn học cung cấp cho học viên những hiểu biết về sức khỏe tâm thần và các chứng bệnh tâm thần, về quá trình đánh giá thân chủ bệnh lý hay khỏe mạnh dựa trên một khung tham chiếu tâm lý xã hội và sinh học.

9.16. Công tác xã hội với thanh thiếu niên

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Nội dung tóm tắt học phần: Học phần công tác xã hội với thanh niên cung cấp cho học viên khối lượng tri thức và kỹ năng để làm việc với lứa tuổi thanh niên và sinh viên bao gồm nhiều nhóm đặc thù khác nhau như thanh niên và sinh viên thành thị hay nông thôn, thu nhập cao hay thu nhập thấp, nam hay nữ, dân tộc Kinh hay dân tộc thiểu số. Bên cạnh đó, học phần cung cấp những kiến thức về tâm lý tình cảm của thanh niên, những mong muốn, nguyện vọng, xu hướng, tính cách của thanh niên trong sự phát triển nhân cách toàn diện để thanh niên có một lối sống lành mạnh. Đồng thời khi nghiên cứu học phần này, người học biết cách tiếp cận thanh niên và cách thức can thiệp hỗ trợ thanh niên trong những tình huống khó khăn, bế tắc không hoàn toàn giống với những lứa tuổi khác giúp thanh niên phát triển trở thành những công dân có ích cho xã hội. Thực tế, nhân viên Công tác xã hội phải làm việc trực tiếp với nhiều nhóm thanh niên khác nhau, vì vậy người học ngành công tác xã hội cần được cung cấp tri thức và kỹ năng để làm việc với các đối tượng thanh niên và sinh viên khác nhau.

9.17. Công tác xã hội trong phòng chống bạo lực gia đình

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Nội dung tóm tắt học phần: Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về lý luận về Công tác xã hội trong cứu trợ nạn nhân bạo lực gia đình, các kiến thức cơ bản của vấn đề bạo lực gia đình, vai trò và vị trí của công tác xã hội trong phát triển xã hội công dân, trong phòng chống các tệ nạn xã hội. Giới thiệu những hoạt động của công tác xã hội cứu trợ nạn nhân bạo lực gia đình của một số nước trên thế giới và Việt Nam trong thời gian gần đây, các hình thức cứu trợ, hiệu quả, các bài học...Hướng phát triển của công tác xã hội trong cứu trợ nạn nhân bạo lực gia đình trong thời gian tới. Môn học cũng cung cấp các kỹ năng của công tác xã hội cứu trợ nạn nhân bạo lực gia đình (các bước tiến hành, phẩm chất của người làm công tác xã hội, kỹ thuật của Công tác xã hội, đặc thù của công việc, con đường tới thành công), áp dụng các phương pháp khoa học hiện đại trong nghiên cứu và hoạt động thực tiễn của Công tác xã hội.

9.18. Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Nội dung tóm tắt học phần: Học phần trình bày những kiến thức tổng quan, cơ bản, hệ thống về khuyết tật và người khuyết tật, phân loại khuyết tật, mô hình khuyết tật, kiến thức về Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng và năm lĩnh vực cơ bản trong phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng cho người khuyết tật (y tế, giáo dục, sinh kế, xã hội và tăng quyền).

9.19. Hành vi con người và môi trường xã hội nâng cao

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Nội dung tóm tắt học phần: Cung cấp những kiến thức cơ bản nâng cao về HVCN và MTXH. Đồng thời đề cập đến cơ sở sinh lý thần kinh của hành vi, các lý thuyết về sự phát triển hành vi. Các lý thuyết nghiên cứu HVCN từ cuối thế kỷ 19 đến thế kỷ 20 làm nền tảng cơ sở lý luận cho sinh viên trong quá trình phân tích, giải thích các mối quan hệ giữa HVCN và MTXH trong các điều kiện của hoàn cảnh xã hội (gia đình, nhóm, cộng đồng, xã hội) khi phải giải quyết những vấn đề trong thực tiễn. Mối quan hệ đặc biệt giữa các giai đoạn lứa tuổi với môi trường xã hội. Đề cập đến văn hóa gia đình và các ảnh hưởng của nó đến hành vi con người. Vai trò của Nhân viên CTXH trong việc giúp đỡ các đối tượng xã hội ở các giai đoạn phát triển thông qua chính sách xã hội

9.20. Công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe tâm thần

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Nội dung tóm tắt học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức chung về SKTT, một số loại bệnh tâm thần, dấu hiệu và một số can thiệp cần thiết của nhân viên xã hội, các chính sách, chương trình dịch vụ trong lĩnh vực CSSKTT trên thế giới và Việt Nam. Học phần đồng thời giới thiệu một số mô hình và quy trình can thiệp và

một số kỹ năng cơ bản trong dự phòng và can thiệp trị liệu rối nhiễu tâm thần cho bệnh nhân, gia đình bệnh nhân và cộng đồng.

9.21. Can thiệp hỗ trợ người khuyết tật

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Nội dung tóm tắt học phần: Học phần cung cấp các kiến thức tổng quan liên quan tới khuyết tật và NKT ở trên thế giới và ở Việt Nam, một số mô hình và phương pháp tiếp cận trong trợ giúp NKT. Phần trọng tâm của học phần sẽ trang bị các phương pháp kỹ năng chuyên sâu trong hỗ trợ NKT đáp ứng các nhu cầu thông qua làm việc trực tiếp với cá nhân, gia đình NKT, nhóm và cộng đồng và xã hội trong hoạt động trợ giúp NKT.

9.22. CTXH trong bảo vệ trẻ em khỏi xâm hại, bóc lột và sao nhãng

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Nội dung tóm tắt học phần: Học phần này cung cấp những kiến thức về nhóm trẻ em bị xâm hại, bóc lột và sao nhãng như các khái niệm trẻ em bị xâm hại bóc lột, hệ thống luật pháp cũng như những vấn đề về thực trạng về việc xâm hại, bóc lột và sao nhãng trẻ em. Ngoài ra học phần cũng cung cấp những kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực này như quy trình can thiệp và các kỹ năng chuyên biệt của nhân viên xã hội trong việc hỗ trợ nhóm trẻ em này.

9.23. Tham vấn điều trị cai nghiện ma túy

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Nội dung tóm tắt học phần: Học phần bao gồm những nội dung cơ bản về tham vấn, tham vấn cho người nghiện ma túy, yêu cầu chuyên môn của người tham vấn và đặc biệt đi sâu vào quy trình, kỹ năng tham vấn cho người nghiện. Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp cho người học những nội dung tham vấn gia đình người nghiện và những đối tượng đặc thù (như phụ nữ trẻ em) tham gia vào quá trình tham vấn điều trị nghiện ma túy.

9.24. Giới và phát triển bền vững

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Nội dung tóm tắt học phần: Môn học này trước hết cung cấp các kiến thức lý luận cơ bản trong tiếp cận nghiên cứu các vấn đề của giới và phát triển và bền vững. Tiếp đó là những phân tích khoa học về giới trong mối quan hệ với phát triển bền vững được nghiên cứu trọng tâm và dưới nhiều khía cạnh khác nhau của đời sống xã hội. Cuối cùng môn học này đề cập đến việc vận dụng các phương pháp khoa học trong việc lồng ghép giới đối với các chương trình, chính sách và dự án.

10. DANH SÁCH ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

TT	Tên học phần	Giảng viên	Chuyên môn
-----------	---------------------	-------------------	-------------------

TT	Tên học phần	Giảng viên	Chuyên môn
1	Triết học	TS. Nguyễn Thị Giáng Hương	Triết học
2	Tiếng Anh chuyên ngành	TS. GVC Phan Thị Mai Hương	QTKD
		ThS. Triệu Thị Trang	Ngôn ngữ Anh
3	Phương pháp nghiên cứu CTXH nâng cao	TS. Đặng Thị Lan Anh	Xã hội học
		TS. Chu Thị Huyền Yến	Xã hội học
4	Phân tích và hoạch định chính sách xã hội	TS Nguyễn Hải Hữu	Kinh tế
		TS Phạm Hồng Trang	Quản lý khoa học
5	Công tác xã hội quốc tế	TS Nguyễn Thị Thái Lan	Công tác xã hội
		TS Nguyễn Thị Hoài An	Công tác xã hội
6	Công tác xã hội cá nhân nâng cao	TS. Nguyễn Trung Hải	Phúc lợi xã hội
		TS Nguyễn Thị Thái Lan	Công tác xã hội
		TS Đỗ Thị Vân Anh	Xã hội học
		TS Đặng Quang Trung	Xã hội học
7	Công tác xã hội nhóm nâng cao	TS. Nguyễn Trung Hải	Phúc lợi xã hội
		TS. Nguyễn Thị Phương	Xã hội học
8	Quản trị trong phát triển tổ chức cung cấp dịch vụ xã hội	TS. Nguyễn Kim Liên	Xã hội học
		PGS.TS Nguyễn Kim Hoa	Xã hội học
9	Xây dựng và quản lý dự án phát triển cộng đồng	TS Nguyễn Hải Hữu	Kinh tế
		PGS.TS. Trịnh Văn Tùng	Xã hội học
10	Kiểm huấn CTXH	TS. Bùi Thị Xuân Mai	Tâm lý học
		TS. Bùi Thị Mai Đông	Xã hội học
11	Thực hành CTXH chuyên sâu	TS. Nguyễn Trung Hải	Phúc lợi xã hội
		TS. Nguyễn Huyền Linh	Công tác xã hội
12	CTXH và chính sách XH với gia đình	TS. Nguyễn Minh Tuấn	Xã hội học
		PGS.TS. Nguyễn Thị Thuận	Kinh tế lao động
13	Tâm lý học lao động	TS. Bùi Thị Xuân Mai	Tâm lý học

TT	Tên học phần	Giảng viên	Chuyên môn
		TS. Nguyễn Thị Hương	Tâm lý học
14	Trị liệu tâm lý	PGS.TS. Bùi Ngọc Oánh	Tâm lý học
		PGS.TS. Nguyễn Sinh Phúc	Tâm lý học
15	Đánh giá lâm sàng trong CTXH	TS. Nguyễn Huyền Linh	Công tác xã hội
		TS. Nguyễn Thị Hương	Tâm lý học
16	CTXH với thanh thiếu niên	TS. Nguyễn Huyền Linh	Công tác xã hội
		TS. Nguyễn Trung Hải	Phúc lợi xã hội
17	CTXH trong phòng chống bạo lực gia đình	TS. Tiêu Thị Minh Hường	Tâm lý học
		TS. Nguyễn Trung Hải	Phúc lợi xã hội
18	Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng	TS. Hà Thị Thu	Tâm lý học
		TS. Nguyễn Thị Hương	Tâm lý học
19	Hành vi con người và môi trường xã hội nâng cao	TS. Tiêu Thị Minh Hường	Tâm lý học
		TS. Nguyễn Thị Hiền	Tâm lý học
20	CTXH trong chăm sóc SK tâm thần.	PGS.TS. Nguyễn Hồi Loan	Tâm lý học
		TS. Hà Thị Thu	Tâm lý học
21	Can thiệp hỗ trợ người khuyết tật	PGS.TS. Bùi Ngọc Oánh	Tâm lý học
		PGS.TS Nguyễn Thị Kim Hoa	Xã hội học
22	CTXH trong bảo vệ trẻ em khỏi xâm hại, bóc lột và sao nhãng	TS. Hà Thị Thu	Tâm lý học
		TS. Đặng Quang Trung	Xã hội học
23	Tham vấn điều trị cai nghiện ma túy	TS. Bùi Thị Xuân Mai	Tâm lý học
		TS. Tiêu Thị Minh Hường	Tâm lý học
24	Giới và phát triển bền vững	GS.TS. Nguyễn Kim Quý	Xã hội học
		PGS.TS. Nguyễn Thị Thuận	Kinh tế lao động

11. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ HỌC TẬP

11.1. Thiết bị phục vụ học tập

Trường đại học Lao động - Xã hội có 03 cơ sở đào tạo (tại Hà Nội, tại Sơn Tây và tại Thành phố Hồ Chí Minh) với tổng diện tích 10,6 ha. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học được đầu tư đồng bộ và nâng cấp hàng năm để đáp ứng đủ tiêu chuẩn của một cơ sở đào tạo đại học. Hiện nay tại 3 cơ sở trường có 155 phòng học lý thuyết với diện tích trung bình từ 80 đến 100m², 16 phòng thực hành các loại, 16 phòng máy tính với tổng số gần 700 máy tính được kết nối mạng LAN và mạng Internet phục vụ cho việc dạy và học.

Thiết bị phục vụ đào tạo

STT	Tên thiết bị, cơ sở vật chất	Năm sản xuất	Số lượng	Ghi chú
I.	Phòng máy tính			
1	Phòng máy tính E202.T2			Tin học cơ bản; Tin học chuyên ngành; Kinh tế lượng; Kỹ thuật sử dụng SPSS, ...
1.1	Máy tính FPT	2015	41	
1.2	Máy chiếu CPX4015	2014	1	
1.3	Điều hòa Daikin 44.500 BTU	2003	1	
2	Phòng máy tính E302.T3			Tin học cơ bản; Tin học chuyên ngành; Kinh tế lượng; Kỹ thuật sử dụng SPSS, ...
2.1	Máy tính FPT	2015	41	
2.2	Máy chiếu CPX4015	2014	1	
2.3	Điều hòa Daikin 44.500 BTU	2003	1	
3	Phòng máy tính E403			Tin học cơ bản; Tin học chuyên ngành; Kinh tế lượng; Kỹ thuật sử dụng SPSS, ...
3.1	Máy tính CMS	2013	41	
3.2	Máy chiếu	2013	1	
3.3	Amplify + loa + mic	2013	1	
3.4	Điều hòa Daikin 12.000 BTU	2013	2	
3.5	Ổn áp loa	2013	1	
4	Phòng máy tính E404			Tin học cơ bản; Tin học chuyên ngành; Kinh tế lượng; Kỹ thuật sử dụng SPSS, ...
4.1	Máy tính CMS	2013	41	
4.2	Máy chiếu	2013	1	
4.3	Amplify + loa + mic	2013	1	
4.4	Điều hòa Daikin 12.000	2013	2	

STT	Tên thiết bị, cơ sở vật chất	Năm sản xuất	Số lượng	Ghi chú
	BTU			
4.5	Ổn áp lioa	2013	1	
5	Phòng máy tính E404.T4			
5.1	Máy tính CMS	2013	41	Tin học cơ bản; Tin học chuyên ngành; Kinh tế lượng; Kỹ thuật sử dụng SPSS, ...
5.2	Máy chiếu 3M	2009	1	
5.3	Điều hòa Daikin 44.500 BTU	2003	1	
6	Phòng máy tính E501			
6.1	Máy tính CMS	2013	41	Tin học cơ bản; Tin học chuyên ngành; Kinh tế lượng; Kỹ thuật sử dụng SPSS, ...
6.2	Máy chiếu 3M	2009	1	
6.3	Điều hòa Daikin 44.500 BTU	2003	1	
7	Phòng máy tính E502			
7.1	Máy tính ĐNA	2006	16	Tin học cơ bản; Tin học chuyên ngành; Kinh tế lượng; Kỹ thuật sử dụng SPSS, ...
7.2	Máy tính FPT	2014	24	
7.3	Máy chiếu Hitachi	2014	1	
7.4	Điều hòa Daikin 44.500 BTU	2003	1	
8	Phòng máy tính E503A			
8.1	Máy tính ĐNA	2009	13	Tin học cơ bản; Tin học chuyên ngành; Kinh tế lượng; Kỹ thuật sử dụng SPSS, ...
8.2	Máy tính ĐNA	2010	10	
8.3	Máy tính ĐNA	2011	28	
8.4	Máy chiếu CPX4015	2014	1	
8.5	Điều hòa Daikin 44.500 BTU	2003	1	
9	Phòng máy tính E503B			
9.1	Máy tính ĐNA	2009	40	Tin học cơ bản; Tin học chuyên ngành; Kinh tế lượng; Kỹ thuật sử dụng SPSS, ...
9.2	Máy tính ĐNA	2006	1	
9.3	Máy chiếu Panasonic	2009	1	
9.4	Điều hòa Daikin	2003	1	
10	Phòng máy tính 401-B3			
10.1	Máy tính TAC	2014	35	Tin học cơ bản; Tin học chuyên ngành; Kinh tế lượng; Kỹ thuật sử dụng
10.2	Máy chiếu BenQ	2014	1	

STT	Tên thiết bị, cơ sở vật chất	Năm sản xuất	Số lượng	Ghi chú
10.3	Điều hòa Sanyo 12000 BTU	2014	2	SPSS, ...
10.4	Loa + Míc Petech	2008	1	
11	Phòng máy tính 402-B3			Tin học cơ bản; Tin học chuyên ngành; Kinh tế lượng; Kỹ thuật sử dụng SPSS, ...
11.1	Máy tính TAC	2015	40	
11.2	Điều hòa Panasonic 12.000 BTU	2015	2	
11.3	Điều hòa Sanyo 12000 BTU		1	
11.4	Loa + Míc Petech		1	
12	Phòng máy tính 403-B3			Tin học cơ bản; Tin học chuyên ngành; Kinh tế lượng; Kỹ thuật sử dụng SPSS, ...
12.1	Máy tính TAC	2016	40	
12.2	Điều hòa Panasonic 12.000 BTU	2015	2	
12.3	Ổn áp loa	2016	1	
13	Phòng máy tính 404-B3			Tin học cơ bản; Tin học chuyên ngành; Kinh tế lượng; Kỹ thuật sử dụng SPSS, ...
13.1	Máy tính TAC	2016	40	
13.2	Điều hòa Panasonic 12.000 BTU	2016	2	
14	Phòng máy tính 405-B3			Tin học cơ bản; Tin học chuyên ngành; Kinh tế lượng; Kỹ thuật sử dụng SPSS, ...
14.1	Máy tính TAC	2016	40	
14.2	Điều hòa Panasonic 12.000 BTU	2016	2	
14.3	Ổn áp loa	2016	1	
II.	Phòng LAP			Tiếng anh Cơ bản; Tiếng Anh chuyên ngành; Thực hành TOEIC, ...
1	Phòng LAP E401			
1.1	Máy tính FPT	2013	36	
1.2	Tai nghe	2013	36	
1.3	Điều hòa Daikin	2003	1	
2	Phòng LAP E402			
1.1	Máy tính FPT	2013	36	
1.2	Tai nghe	2013	36	
1.3	Điều hòa Daikin	2003	1	
3	Phòng LAP 301-B3			
3.1	Máy tính TAC	2014	37	

STT	Tên thiết bị, cơ sở vật chất	Năm sản xuất	Số lượng	Ghi chú	
3.2	Tai nghe	2014	37		
3.3	Điều hòa Toshiba 12.000 BTU	2014	1		
3.4	Ổn áp Lioa	2014	1		
4	Phòng LAP 302-B3				
4.1	Máy tính TAC	2015	36		
4.2	Tai nghe	2015	36		
4.3	Điều hòa Panasonic 12.000 BTU	2014	1		
4.4	Loa + Míc Petech	2008	1		
III.	Thiết bị phòng học				Các học phần còn lại
1	Amply + loa + mic	2014	7		
2	Amply + loa + mic	2013	33		
3	Amply + loa + mic	2010	5		
4	Amply + loa + mic	2009	10		
5	Amply + loa + mic	2008	1		
6	Amply + loa + mic	2007	1		
7	Amply + loa + mic	2005	3		
8	Amply + loa + mic	2003	7		
9	Máy tính giáo viên	2013	15		
10	Máy tính giáo viên	2009	2		
11	Máy tính giáo viên	2008	10		
12	Máy chiếu	2015	8		
13	Máy chiếu	2013	14		
14	Máy chiếu	2009	2		
15	Máy chiếu	2008	3		
16	Loa + Míc Petech	2008	8		
17	Loa + mic (2 mic)	2016	2		
18	Amply + loa + mic (2 mic)	2017	21		
19	Máy tính giáo viên (Laptop)	2009	2		
20	Máy tính giáo viên (Laptop)	2011	8		
21	Máy chiếu	2009	5		
22	Máy chiếu	2015	2		

STT	Tên thiết bị, cơ sở vật chất	Năm sản xuất	Số lượng	Ghi chú
23	Máy chiếu	2007	5	

11.2. Thư viện

Thư viện tại 3 cơ sở có phòng đọc đảm bảo 1500 chỗ ngồi, với hơn 100.000 đầu sách và hàng trăm loại báo chí chuyên ngành phục vụ cho giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học của giảng viên và học viên.

Danh sách giáo trình, sách sử dụng cho học tập và nghiên cứu:

STT	TÊN HỌC PHẦN	Tài liệu bắt buộc (1 – 2 tài liệu)
1.	Triết học	<p>[1] Giáo trình Triết học (Dùng cho học viên Cao học và Nghiên cứu sinh không thuộc chuyên ngành triết học). Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội. 2007</p> <p>[2] Bộ Giáo dục và Đào tạo - Giáo trình Triết học (Dùng cho học viên Cao học và Nghiên cứu sinh không thuộc chuyên ngành triết học). Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội. 2006.</p> <p>[3] Phạm Công Nhất, Đoàn Thị Minh Oanh, Giáo trình Triết học. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.</p> <p>[4] Nguyễn Hữu Vui, <i>Lịch sử Triết học</i>. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội. 2008</p> <p>[5] Nguyễn Thế Nghĩa, <i>Những chuyên đề triết học</i>, Nxb. Khoa học Xã hội, 2007.</p> <p>[6] Nguyễn Thế Kiệt, <i>Triết học Mác – Lênin với việc xác định con đường và động lực đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay</i>, Nxb. Chính trị Quốc gia. 2009</p> <p>[7] Hội đồng trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Giáo trình triết học Mác-Lênin, Nxb chính trị quốc gia, Hà Nội, 1999</p> <p>[8] Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Phân viện Hà Nội, Khoa Triết học</p> <p>[9] Tập bài giảng triết học Mac-Lenin. Nxb chính trị Quốc</p>

STT	TÊN HỌC PHẦN	Tài liệu bắt buộc (1 – 2 tài liệu)
		<p>gia, Hà Nội, 2000.</p> <p>[10] Nguyễn Thế Kiệt, Triết học Mác – Lênin với việc xác định con đường và động lực đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay, Nxb. Chính trị Quốc gia, 2009</p> <p>[11] Giáo trình triết học Mác-Lênin, 1999</p> <p>[12] Nguyễn Hữu Vui, Lịch sử Triết học, Nxb. Chính trị Quốc gia</p>
2.	Tiếng Anh chuyên ngành	<p>[1] Phan Thị Mai Hương, <i>English for Social work Second Edition</i>, NXB. Lao động –Xã hội, 2007</p> <p>[2] George Yule, <i>Oxford Practice Grammar Advance</i>, OUP, 2000</p> <p>[3] H.Q.Mitchell, <i>Social work practice</i>, 2007</p> <p>[4] L.G. Alexander, <i>Longman English Grammar</i>, Long man, 1992</p> <p>[5] L.G. Alexander, <i>Longman English Grammar Practice</i>, Long man</p> <p>[6] Raymond Murphy, <i>English Grammar In Use</i>, Cambridge University Press, 1994</p> <p>[7] Betty Schram Pfer Azar, <i>Understanding and Using English Grammar</i>, 3rd Edition. Pearson Education, 2001</p>
3	Phương pháp nghiên cứu CTXH nâng cao	<p>[1] Nguyễn Trung Hải (2012). Phương pháp nghiên cứu công tác xã hội cộng đồng và các ngành khoa học xã hội. Nhà xuất bản Lao động- Xã hội, 2012</p> <p>[2] Phạm Quyết – Nguyễn Quý Thanh (2002), Phương pháp nghiên cứu xã hội học. NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2002.</p> <p>[3] Jack levin & James Alan Fox (2003), <i>Elementary Statistics in social research</i>, Pearson Eduaction Group, 2003</p> <p>[4] Richard M. Grinnell (2001). Jr, <i>Social work research and evaluaiton</i>, F.E. Peacock, 2001. Nguyễn Công Khanh (2004). <i>Đánh giá và đo lường trong khoa học xã hội</i>. NXB Chính trị Quốc gia, 2004.</p>

STT	TÊN HỌC PHẦN	Tài liệu bắt buộc (1 – 2 tài liệu)
4	Phân tích và hoạch định chính sách xã hội	<p>[1] Nguyễn Tiệp, <i>Giáo trình chính sách xã hội</i>. NXB Lao động – Xã hội, 2011.</p> <p>[2] Vũ Cao Đàm, <i>Kỹ năng phân tích và hoạch định chính sách</i>. Nhà xuất bản Thế giới, 2011.</p> <p>[3] Andrew W. Dobelstein (2003), <i>Social welfare Policy and analysis</i>. Thomson Learning, Inc</p>
5	Công tác xã hội quốc tế	<p>[1] Bùi Thị Xuân Mai (2010). <i>Nhập môn Công tác xã hội</i>. NXB LĐXH</p> <p>[2] Richard Hugman. (2010). <i>Understanding International Social work: A critical Analysis</i>. Palgrave Macmillan</p> <p>[3] Thủ tướng chính phủ (2010). <i>Quyết định 32/2010 phê duyệt chương trình Phát triển nghề CTXH ở Việt Nam giai đoạn 2010-2020</i></p>
6	Công tác xã hội cá nhân nâng cao	<p>[1] Nguyễn Thị Thái Lan (2011), <i>Giáo trình công tác xã hội cá nhân và gia đình</i>, Nhà xuất bản Lao động - Xã hội - Hà Nội</p> <p>[2] Ben Carniol, Caase critical, <i>Challenging Social Sevice in Canada</i>, Third Edition</p> <p>[3] Trần Hữu Trung, Nguyễn Văn Hòi (2011), <i>Tài liệu hướng dẫn xây dựng mô hình trung tâm công tác xã hội và nghiệp vụ quản lý trường hợp</i>, Nhà xuất bản thống kê</p>
7	Công tác xã hội nhóm nâng cao	<p>[1] Nguyễn Thị Thái Lan (2009), <i>Giáo trình công tác xã hội nhóm</i>, Nhà xuất bản Lao động - Xã hội, 2009</p> <p>[2] Actionaid (2008) Tài liệu xây dựng và duy trì nhóm tự quản</p> <p>[3] Trần Hữu Trung, Nguyễn Văn Hòi (2011), <i>Tài liệu hướng dẫn xây dựng mô hình trung tâm công tác xã hội và nghiệp vụ quản lý trường hợp</i>, Nhà xuất bản thống kê</p>
8	Quản trị trong phát triển tổ chức cung cấp dịch vụ xã hội	<p>[1] Trịnh Thị Trinh, <i>Quản trị Công tác xã hội</i>, Nhà xuất bản Lao động- Xã hội, 2011</p> <p>[2] Mauricia T. Dancel, <i>Administration and supervision social work</i>, PWU, 1985</p> <p>[3] Nguyễn Văn Gia, <i>Quản trị công tác xã hội</i>, Đại học L</p>

STT	TÊN HỌC PHẦN	Tài liệu bắt buộc (1 – 2 tài liệu)
		động xã hội, 2005
9	Xây dựng và quản lý dự án PTCĐ	<p>[1] Nguyễn Trung Hải, <i>Giáo trình Phát triển cộng đồng</i>. Nhà xuất bản Lao động- Xã hội; 2015.</p> <p>[2] Bill Lee, <i>Pramatics of community organization</i>, Canadian Cataloguing, 1986</p> <p>[3] Nguyễn Huyền Linh, <i>Giáo trình phát triển cộng đồng</i>, Nhà xuất bản Lao động- Xã hội, 2011.</p> <p>[4] Nguyễn Trung Hải, <i>Giám sát xã hội</i>, Nhà xuất bản Lao động- Xã hội, 2015.</p>
10	Kiểm huấn trong Công tác xã hội	<p>[1] Cục BTXH (2014). <i>Kiểm huấn trong Công tác xã hội</i>. Chương trình đào tạo cán bộ QLCTXH cấp cao. NXB Hồng Đức</p> <p>[2] Muson E, (1992). <i>Clinical social work supervision</i>. LibRARY of Congress</p>
11	Thực hành công tác xã hội chuyên sâu	<p>[1] Nguyễn Thị Thái Lan (2011). <i>Giáo trình Công tác xã hội cá nhân và gia đình</i>. Nhà xuất bản Lao động- Xã hội - Hà nội.</p> <p>[2] Nguyễn Thị Thái Lan (2011). <i>Giáo trình Công tác xã nhóm</i>. Nhà xuất bản Lao động- Xã hội - Hà nội.</p> <p>[3] Trường đại học Khoa học xã hội và Nhân văn (2018). <i>Hội thảo khoa học quốc tế: Đào tạo thực hành nghề CTXH, kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn Việt Nam</i>. NXB ĐH QGHN</p> <p>[4] Shulman, L. (1984). <i>Skills of Helping Individuals and groups</i>. (2nd Ed), Peacock Publishers.</p> <p>[5] Danilo E, <i>Caring, Healing and Teaching. Fundamental of Ministry for human service</i>. Makaty city, Philippine. (2011).</p>
12	CTXH và chính sách xã hội với gia đình	<p>[1] Doãn Mậu Diệp và cộng sự (2015). <i>Cơ sở khoa học của việc xây dựng sản an sinh xã hội ở Việt Nam trong thời gian tới</i>, NXB Lao động - Xã hội</p> <p>[2] Lê Thị Hoài Thu và cộng sự (2014). <i>Quyền an sinh xã</i></p>

STT	TÊN HỌC PHẦN	Tài liệu bắt buộc (1 – 2 tài liệu)
		hội và đảm bảo thực hiện trong pháp luật Việt Nam, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội
13.	Tâm lý học lao động	<p>[1] Đào Thị Oanh, Tâm lý học lao động, NXB ĐHQG Hà Nội, 2003</p> <p>[2] Vũ Dũng, Tâm lý học quản lý, NXB ĐHSP, 2006</p> <p>[3] Lawrence Hope, Quản lý nhóm, NXB LDD-XH, 2007</p> <p>[4] Adam Khoo, Làm chủ tư duy, thay đổi vận mệnh, NXB Phụ nữ, 2009</p> <p>[5] Roger Fisher & William Ury, Để đạt được thỏa thuận, NXB hành phố Hồ Chí Minh, 1994</p> <p>[6] Nguyễn Hữu Thụ, Tâm lý học quản trị kinh doanh, NXB ĐHQG Hà Nội, 2007</p>
14.	Trị liệu tâm lý	<p>[1] Nguyễn Công Khanh (2000). <i>Tâm lí trị liệu</i>. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội</p> <p>[2] Trần Thu Hương. <i>Giáo trình Tâm lý học Lâm sàng</i>. NXB Lao động - Xã hội)</p> <p>[3] Dana Castro (2015), <i>Tâm lý học Lâm sàng</i>, NXB Tri thức.</p>
15.	Đánh giá lâm sàng trong CTXH	<p>[1]. Lê Văn Phú, <i>Công tác xã hội</i>, 2004, NXB. ĐHQG Hà Nội.</p> <p>[2]. Franklin, C., & Warren, K. (1999). Advances in systems theory. In C. Franklin & C. Jordan (Eds.), <i>Family practice: Brief systems methods for social work</i>. Pacific Grove, CA: Brooks/Cole.</p> <p>[3]. Henggeler, S. W. (1999). Multisystemic therapy: An overview of clinical procedures, outcomes, and policy implications. <i>Child Psychology and Psychiatry Review</i>, 4, 2-10.</p> <p>[4]. Leslie Hicks (2006), <i>Social Work Research and Evaluation: Quantitative and Qualitative Approaches</i>, Journal of Social Work, 2006- 6: 1.</p> <p>[5]. Liddle, H.A., Dakof, G.A., Parker, K, Diamond, G.S., Barrett, K., & Tejada, M. (2001). Multidimensional family therapy for adolescent drug abuse: Results of a randomized</p>

STT	TÊN HỌC PHẦN	Tài liệu bắt buộc (1 – 2 tài liệu)
		clinical trial. <i>American Journal of Drug Abuse</i> , 27(4), 651-688.
16.	CTXH với thanh thiếu niên	[1] NASW (National Association of Social Workers): Hiệp hội Công tác xã hội quốc gia (Mỹ). <i>Các tiêu chuẩn của NASW về hành nghề công tác xã hội với trẻ vị thành niên</i> [2] Bộ Lao động Thương binh và xã hội & unicef. (2017). <i>CTXH với người bị hại và người làm chứng chưa thành niên trong hệ thống tư pháp</i>
17.	CTXH trong phòng chống bạo lực gia đình	[1] Tiêu Thị Minh Hường. (2020). <i>Công tác xã hội trong phòng chống bạo lực gia đình</i> . Trường Đại học Lao động xã hội. [2] UNICEF. (2017). <i>Công tác xã hội trong phòng chống bạo lực gia đình</i> . Tài liệu hướng dẫn thực hành. [3] Quốc Hội. (2022). <i>Luật phòng chống bạo lực gia đình</i> .
18	Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng	[1] Tổ chức Y tế thế giới (2010), <i>Hướng dẫn phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng – Hợp phần Y tế</i> [2] Tổ chức Y tế thế giới (2010), <i>Hướng dẫn phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng – Hợp phần Giáo dục</i> [3] Tổ chức Y tế thế giới (2010), <i>Hướng dẫn phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng – Hợp phần Sinh kế</i> [4] Tổ chức Y tế thế giới (2010), <i>Hướng dẫn phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng – Hợp phần Xã hội</i> [5] Tổ chức Y tế thế giới (2010), <i>Hướng dẫn phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng – Hợp phần Tăng cường quyền năng</i> .
19	Hành vi con người và môi trường xã hội nâng cao	[1] Giáo trình môn học: <i>Hành vi con người và môi trường xã hội</i> , Tài liệu tập huấn của Đại học Fordham Hoa Kỳ. [2] Cục BTEXH (2014). <i>Hành vi con người và môi trường xã hội</i> . Chương trình đào tạo cán bộ QLCTXH cấp cao. NXB Hồng Đức. [3] Đặng Phương Kiệt (2001). <i>Cơ sở tâm lý học ứng dụng</i> , NXB Đại học Quốc gia Hà Nội
20.	CTXH trong Chăm sóc sức	[1] Unicef. (2013). <i>CTXH trong Chăm sóc sức khỏe tâm thần</i> .

STT	TÊN HỌC PHẦN	Tài liệu bắt buộc (1 – 2 tài liệu)
	khỏe tâm thần	<p>[2] Bộ lao động- Thương binh Và Xã hội. (2011). <i>Hướng dẫn triển khai đề án trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí dựa vào cộng đồng (giai đoạn 2011-2020)</i>.</p> <p>[3] Nguyễn Thị Thanh Hương. (2013). <i>Quản lý trường hợp cho người tâm thần</i></p> <p>[4] Nguyễn Trung Hải (2018). Phát triển dịch vụ chăm sóc xã hội đối với trẻ em mắc bệnh tâm thần. NXB dân trí</p> <p>[5] Bộ LĐTB&XH (2015). Hội thảo quốc tế: Phát triển CTXH với chăm sóc SKTT ở VN trong bối cảnh hội nhập. NXB Hồng Đức</p>
21.	Can thiệp hỗ trợ người khuyết tật	<p>[1] Unicef. (2013). <i>CTXH với người khuyết tật</i>.</p> <p>[2] Nguyễn Thị Kim Hoa. 2014. CTXH với người khuyết tật</p> <p>[3] VNAH. 2014. CTXH với NKT</p>
22.	CTXH trong bảo vệ trẻ em khỏi xâm hại, bóc lột và sao nhãng	<p>[1] CFSI. 2012. Công tác xã hội với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt</p> <p>[2] Định hướng chính sách và hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trong trợ giúp trẻ em có HCĐB khó khăn</p> <p>[3] L. Alan Sroufe và cộng sự. Third Edition. Child Development</p>
23.	Tham vấn điều trị nghiện ma túy	<p>[1] TS. Bùi Thị Xuân Mai. (2013), <i>Tham vấn điều trị nghiện ma túy</i>, NXB Lao Động Xã hội, Hà Nội</p> <p>[2] Phạm Thị Hoàng Vân và cộng sự (2014), <i>Cải thiện chính sách và các dịch vụ dựa vào bằng chứng cho người SDMT ở Việt Nam</i>, FHI360 and The Atlantic, Hà Nội</p> <p>[3] TS, Bùi Thị Xuân Mai (2013), <i>Chất gây nghiện và xã hội</i>, Nhà XB Lao động - Xã hội.</p> <p>[4] Nguyễn Trung Hải (2013), <i>Quản lý trường hợp với người nghiện ma túy</i>, Nhà XB Lao động - Xã hội.</p> <p>[5] Bộ LĐTB&XH (2020). <i>Thông tư hướng dẫn quản lý đối tượng được cơ sở trợ giúp xã hội cung cấp dịch vụ công tác xã hội</i>.</p>

STT	TÊN HỌC PHẦN	Tài liệu bắt buộc (1 – 2 tài liệu)
24.	Giới và phát triển bền vững	<p>[1]. PGS.TS Nguyễn Thị Thuận. (2009), <i>Giới và Phát triển</i>, NXB lao động xã hội, Hà Nội,</p> <p>[2]. GS.TS Lê Thị Quý (2009), giáo trình <i>Xã hội học giới</i>, NXB Giáo dục Việt Nam</p> <p>[3]. PGS.TS Hoàng Bá Thịnh (2008), giáo trình <i>Xã hội học về giới</i>, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.</p> <p>[4]. ILO –Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (2011) <i>Các chiến lược lồng ghép giới trong thúc đẩy việc làm bền vững: các công cụ hướng dẫn</i>.</p> <p>[5]. Lê Ngọc Hùng – Nguyễn Thị Mỹ Lộc (2000) <i>Xã hội học về giới và phát triển</i>, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.</p>

12. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH

12.1. Trong chương trình, các học phần đã được bố trí vào các kỳ theo mối quan hệ giữa các học phần và do vậy phải được thực hiện đúng theo các điều kiện tiên quyết.

12.2. Giờ quy đổi được tính như sau:

- 1 TC lý thuyết = 15 giờ giảng lý thuyết trên lớp và 30 giờ tự học
1 TC thực hành = 30 giờ thực hành, thảo luận và 15 giờ tự học

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng